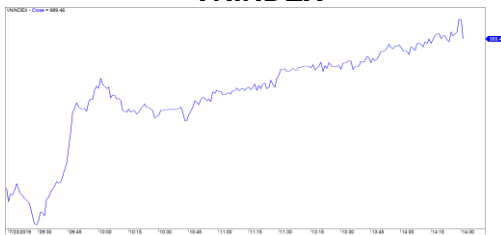


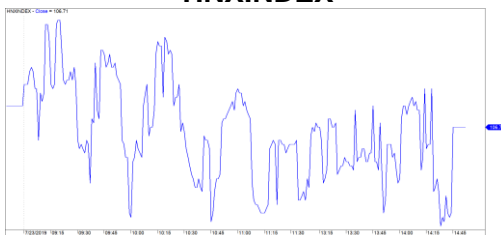
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	989.46	106.71	58.46
% ngày	0.76%	-0.05%	0.78%
% tuần	0.75%	0.81%	2.02%
% tháng	3.15%	1.77%	6.06%
% năm	5.63%	0.39%	16.27%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,474	416	462
TB 1 tuần	3,851	499	345
TB 1 tháng	3,737	397	302
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	969.22	6.89	30.52
Bán	924.67	39.31	18.02
Giá trị ròng	44.54	-32.42	12.50
Độ rộng TT			
Mã Tăng	149	91	209
Mã Giảm	143	78	125
Không Đổi	97	198	558
Chỉ số chính			
P/E	16.80	9.67	19.40
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,328	192	1,002
LS Cổ tức	1.68%	3.09%	6.64%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index có phiên giao dịch khá tích cực với mức tăng 0.76% đóng cửa vững vàng tại mức 989.46 điểm. Trong khi đó, chỉ số HNX-Index đi ngang trong biên độ hẹp đóng cửa giảm 0.05% dừng tại 106.71 điểm, chỉ số Upcom-Index ngược lại tăng 0.78% neo tại 58.46 điểm. Giá trị giao dịch trên cả ba sàn đạt 3,929 tỷ đồng khớp lệnh trên cả ba sàn.

Đà tăng trên VN-Index được châm ngòi từ nhóm cổ phiếu Vingroup trong đó đầu tàu là VIC khi tăng khá mạnh ngay từ phiên sáng và đóng cửa tăng 2.8% dừng tại 119,800 đồng/cp, VRE và VHM cũng tăng lần lượt 1.6% và 1.4%. Các mã ảnh hưởng tích cực tới chỉ số còn có HPG(4.6%), MWG(2.3%), MBB(2.3%), GAS(1.5%), ROS(1.8%)... Ở chiều giảm, BID(-1.4%), BVH(-1.9%), VCB(-0.1%)... là những mã ảnh hưởng tiêu cực nhất tới chỉ số. PVS(0.4%), C69(9.5%), SCI(9.7%), TIG(6.2%), NDN(1.2%), MPT(4.2%), PVB(2.5%) trên HNX và BHA(14.4%), GVR(2.1%), LPB(6.3%), GEG(8.4%) trên Upcom là những mã tăng vượt trội.

Đà tăng hôm nay đến chủ yếu từ nhóm Large Cap khi VN30-Index tăng 0.98% trong khi đó VNMID-Index tăng nhẹ 0.03%, VNSML-Index ngược lại giảm 0.14%.

Khối ngoại tiếp tục nối dài chuỗi mua ròng với giá trị hơn 25 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, PLX(49 tỷ), VCB(18 tỷ), CTG(15 tỷ) là các mã được mua ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, VNM(24 tỷ), PVS(21 tỷ), HPG(19 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định vùng kháng cự 987 – 990 điểm. Đồng thời, nhóm cổ phiếu Largecaps có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực hơn so với các phiên giao dịch trước cho thấy thị trường có thể sẽ tiếp tục phân hóa và dịch chuyển giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm nhẹ cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số với mức hỗ trợ ở mức 966.95 điểm của chỉ số VN-Index và 105.88 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và nên tập trung nắm giữ ở nhóm cổ phiếu Largecaps hoặc các cổ phiếu vẫn duy trì xu hướng tăng ngắn hạn như đánh giá của chúng tôi.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 44% cổ phiếu/56% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.70	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	0.54%		16.85	17.01	10.98%	
ACB	30.80	GIẢM	GIẢM	29.80	30.85	3.51%			31.45		
ACV	81.50	GIẢM	GIẢM		86.41			90.00	81.77	-9.15%	
ANV	26.95	TĂNG	GIẢM	28.05	26.83	-3.92%			30.56		
ASM	6.99	GIẢM	GIẢM		7.09				7.78		
BFC	17.60	GIẢM	GIẢM		18.48				20.57		
BID	35.25	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	7.96%		33.40	31.23	5.54%	
BMP	50.10	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	12.58%		48.30	41.68	3.73%	
BSR	11.10	GIẢM	GIẢM		12.01				13.94		
BVH	84.20	GIẢM	GIẢM	79.00	84.30	6.71%			85.11		
BWE	28.30	TĂNG	TĂNG	25.85	27.42	9.48%		20.00	25.15	41.50%	
CEO	10.50	GIẢM	GIẢM	10.70	10.51	-1.75%			11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.69				23.94		
CMG	41.50	TĂNG	TĂNG	37.80	39.66	9.79%		23.20	32.95	78.88%	
CMX	25.50	TĂNG	TĂNG	23.75	22.06	7.37%		5.91	21.62	331.47%	
CSM	14.75	GIẢM	TĂNG		15.13			14.39	14.22	2.50%	
CTD	112.20	TĂNG	TĂNG	102.00	106.22	10.00%			112.01		
CTG	21.65	TĂNG	GIẢM	21.05	21.15	2.85%			22.80		
CTI	23.00	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-3.36%			25.04		
CTR	38.00	TĂNG	N/A	28.80	32.20	31.94%		-	3.77		
CVT	20.40	TĂNG	TĂNG	19.25	19.91	5.97%		20.35	17.62	0.25%	
DCM	8.00	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-5.88%			8.64		
DGC	32.80	TĂNG	TĂNG	31.30	28.90	4.79%			31.31		
DGW	23.65	TĂNG	TĂNG	21.85	22.69	8.24%		23.50	23.12	0.64%	MUA
DHA	36.50	TĂNG	TĂNG	32.25	34.49	13.18%		29.10	32.44	25.43%	
DHC	34.90	GIẢM	TĂNG		37.22			35.20	33.00	-0.85%	
DHG	101.60	GIẢM	GIẢM		106.24				114.77		
DIG	13.80	TĂNG	GIẢM	14.10	13.30	-2.13%			14.54		
DPG	40.10	TĂNG	TĂNG	39.40	36.06	1.78%		40.02	34.78	0.21%	
DPM	15.10	GIẢM	GIẢM		15.74				17.40		
DPR	43.45	GIẢM	TĂNG		44.48			42.50	40.21	2.24%	
DQC	17.95	TĂNG	GIẢM	18.60	17.61	-3.49%			20.46		
DRC	19.85	TĂNG	GIẢM	19.40	19.11	2.32%			20.88		
DXG	18.95	TĂNG	GIẢM	19.10	18.56	-0.79%			20.75		
EIB	18.00	GIẢM	TĂNG		18.64			14.70	16.88	22.45%	

We Create Fortune

FCN	14.00	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-9.68%		16.05	13.18	-12.77%	
FMC	29.70	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	2.59%			30.62		
FPT	48.80	TĂNG	TĂNG	45.20	46.86	7.96%		46.00	43.49	6.09%	
GAS	107.10	TĂNG	GIẢM	108.90	103.53	-1.65%			113.06		
GEX	21.60	GIẢM	GIẢM		22.07				23.15		
GIL	26.10	TĂNG	GIẢM	27.30	25.94	-4.40%			29.06		
GMD	26.70	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-1.48%			27.99		
GTN	17.75	GIẢM	TĂNG		18.65			15.00	16.37	18.33%	
GVR	14.40	TĂNG	GIẢM	13.50	12.99	6.67%			N/A		
HAG	5.26	GIẢM	GIẢM		5.54				5.62		
HAX	19.00	TĂNG	TĂNG	14.25	18.55	33.33%		15.75	15.59	20.63%	
HBC	14.10	GIẢM	GIẢM		15.36				17.48		
HCM	23.00	GIẢM	GIẢM		24.16				26.60		
HDB	26.15	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.25%			28.59		
HDC	15.70	TĂNG	TĂNG	15.25	14.73	2.95%		15.25	13.47	2.95%	
HDG	36.30	TĂNG	TĂNG	32.70	34.04	11.01%		35.30	34.59	2.83%	MUA
HNG	18.30	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	16.19%		17.10	16.59	7.02%	
HPG	21.70	GIẢM	GIẢM		21.81				24.51		
HSG	7.50	TĂNG	TĂNG	7.63	7.37	-1.70%		9.30	7.01	-19.35%	
HT1	15.90	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	7.43%	
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVN	42.70	GIẢM	TĂNG		43.75			39.00	38.75	9.49%	
KBC	15.35	TĂNG	TĂNG	14.30	14.94	7.34%		15.35	13.54	0.00%	
KDH	22.10	GIẢM	GIẢM		22.83				24.76		
KSB	22.15	GIẢM	GIẢM		22.42				25.36		
LCG	10.45	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	0.00%			11.44		
LDG	8.03	GIẢM	GIẢM		8.77				9.57		
LHG	18.20	GIẢM	TĂNG		19.70			19.30	17.20	-5.70%	
LPB	8.40	TĂNG	GIẢM	8.40	8.20	0.00%	MUA		8.51		
LSS	5.15	GIẢM	GIẢM		5.47				5.91		
MBB	22.70	TĂNG	TĂNG	21.30	21.68	6.57%		21.85	20.11	3.89%	
MPC	36.00	TĂNG	GIẢM	35.70	33.75	0.84%			40.20		
MSN	79.60	GIẢM	GIẢM		80.69			89.00	80.74	-9.28%	BÁN
MSR	17.90	GIẢM	GIẢM		18.90				20.71		
MWG	108.90	TĂNG	TĂNG	88.30	102.43	23.33%		88.70	89.54	22.77%	
NDN	16.90	TĂNG	TĂNG	14.10	16.24	19.86%		13.70	14.40	23.36%	
NKG	6.11	GIẢM	GIẢM		6.40				7.23		
NLG	29.40	GIẢM	TĂNG		29.84			28.70	27.83	2.44%	
NT2	26.00	GIẢM	GIẢM		26.66				28.99		



We Create Fortune

NTL	25.50	TĂNG	TĂNG	22.95	24.42	11.11%		10.45	22.09	144.02%	
NVL	58.30	GIẢM	GIẢM		60.43				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM		11.71				12.68		
PAC	33.85	GIẢM	GIẢM		35.23				38.65		
PC1	18.00	GIẢM	GIẢM		18.74				20.49		
PDR	26.30	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	9.13%		29.00	24.63	-9.31%	
PHR	69.80	TĂNG	TĂNG	61.20	62.70	14.05%		24.00	52.19	190.83%	
PLX	64.20	TĂNG	TĂNG	64.20	62.81	0.00%		62.40	58.43	2.88%	
PNJ	77.50	TĂNG	TĂNG	77.00	71.62	0.65%		104.00	72.83	-25.48%	
POW	14.10	GIẢM	TĂNG		14.79			15.70	13.92	-10.19%	
PVT	16.75	GIẢM	GIẢM		17.59				17.62		
PPC	27.20	GIẢM	GIẢM		29.30			19.70	27.86	41.43%	
PTB	67.50	GIẢM	TĂNG		70.44			64.00	64.57	5.47%	
PVB	20.50	TĂNG	TĂNG	20.20	19.30	1.49%		20.10	16.79	1.99%	
PVD	18.05	GIẢM	TĂNG	19.20	18.21	-5.15%		18.50	17.78	-2.43%	
PVI	36.90	GIẢM	GIẢM		37.62				39.70		
PVS	22.90	GIẢM	TĂNG		23.91			21.10	21.47	8.53%	
PXS	5.40	GIẢM	TĂNG		5.56			4.85	4.34	11.34%	
QNS	31.60	TĂNG	TĂNG	33.80	30.16	-6.51%		33.80	27.66	-6.51%	
REE	33.60	GIẢM	TĂNG		34.17			33.33	31.19	0.82%	
SAB	277.30	GIẢM	TĂNG		289.94			245.00	259.03	13.18%	
SAM	8.15	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-1.21%		7.40	7.69	10.14%	
SCR	7.09	GIẢM	GIẢM		7.22				7.61		
SHI	8.79	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.77%		6.99	7.45	25.75%	
SJS	17.25	GIẢM	GIẢM		19.41			-	19.93		
SKG	11.90	GIẢM	GIẢM		12.22				12.61		
SSI	25.10	TĂNG	GIẢM	25.35	25.00	-0.99%			26.98		
STB	11.50	GIẢM	GIẢM		11.71				12.32		
TCB	21.05	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-1.64%			22.88		
TCM	26.00	GIẢM	GIẢM		27.52				30.59		
TDH	9.40	GIẢM	TĂNG		9.67			11.65	9.17	-19.31%	
TLH	4.94	GIẢM	TĂNG		5.08			5.39	4.80	-8.35%	
TNG	20.80	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	5.58%		12.00	18.79	73.33%	
VCB	78.90	TĂNG	TĂNG	69.20	75.71	14.02%		62.00	66.21	27.26%	
VCG	26.40	GIẢM	TĂNG		27.05			19.20	24.08	37.50%	
VCS	77.80	TĂNG	TĂNG	61.20	75.55	27.12%		68.00	61.40	14.41%	
VGC	20.15	TĂNG	GIẢM	20.50	19.79	-1.68%			20.64		
VGT	10.00	GIẢM	GIẢM		10.53				11.88		
VHC	89.80	TĂNG	GIẢM	89.50	88.29	0.34%			95.80		

We Create Fortune

VHM	85.80	TĂNG	GIẢM	81.00	81.35	5.93%			87.75		
VIB	18.60	TĂNG	TĂNG	17.00	17.84	9.41%		17.70	15.55	5.08%	
VIC	119.80	TĂNG	TĂNG	119.80	117.69	0.00%	MUA	112.00	108.25	6.96%	
VIP	5.67	TĂNG	GIẢM	5.77	5.62	-1.73%			5.95		
VJC	131.90	TĂNG	TĂNG	123.30	129.01	6.97%		124.50	120.45	5.94%	
VND	15.00	GIẢM	GIẢM		15.50				16.69		
VNG	19.60	GIẢM	GIẢM		20.96			21.50	20.58	-4.29%	
VNM	125.40	TĂNG	GIẢM	126.90	123.20	-1.18%			133.60		
VPB	19.10	TĂNG	GIẢM	18.60	19.04	2.69%			19.82		
VPI	40.70	GIẢM	GIẢM		42.11				42.86		
VRC	15.10	GIẢM	GIẢM		15.82				17.17		
VRE	37.30	TĂNG	TĂNG	35.75	35.74	4.34%		35.00	32.37	6.57%	
VSC	31.10	TĂNG	GIẢM	31.90	30.84	-2.51%			34.25		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	30.80	GIẢM	GIẢM	29.80	30.85	3.51%	BÁN		31.45		
BID	35.25	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	7.96%		33.40	31.23	5.54%	
BSR	11.10	GIẢM	GIẢM		12.01				13.94		
BVH	84.20	GIẢM	GIẢM	79.00	84.30	6.71%	BÁN		85.11		
CTG	21.65	TĂNG	GIẢM	21.05	21.15	2.85%			22.80		
EIB	18.00	GIẢM	TĂNG		18.64			14.70	16.88	22.45%	
FPT	48.80	TĂNG	TĂNG	45.20	46.86	7.96%		41.00	43.49	19.03%	
GAS	107.10	TĂNG	GIẢM	108.90	103.53	-1.65%			113.06		
HDB	26.15	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.25%			28.59		
HNG	18.30	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	16.19%		17.10	16.59	7.02%	
HPG	21.70	GIẢM	GIẢM		21.81				24.51		
HVN	42.70	GIẢM	TĂNG		43.75			39.00	38.75	9.49%	
KDH	22.10	GIẢM	GIẢM		22.83				24.76		
MBB	22.70	TĂNG	TĂNG	21.30	21.68	6.57%		21.27	20.11	6.72%	
MSN	79.60	GIẢM	GIẢM		80.69			89.00	80.74	-9.28%	BÁN
MWG	108.90	TĂNG	TĂNG	88.30	102.43	23.33%		88.70	89.54	22.77%	
NVL	58.30	GIẢM	GIẢM		60.43				62.33		
OIL	11.10	GIẢM	GIẢM		11.71				12.68		
PLX	64.20	TĂNG	N/A	64.20	62.81	0.00%		62.40	58.43	2.88%	
PNJ	77.50	TĂNG	TĂNG	77.00	71.62	0.65%		77.88	72.83	-0.49%	

We Create Fortune

POW	14.10	GIẢM	TĂNG		14.79			15.70	13.92	-10.19%	
PVS	22.90	GIẢM	TĂNG		23.91			21.10	21.47	8.53%	
QNS	31.60	TĂNG	TĂNG	33.80	30.16	-6.51%		33.80	27.66	-6.51%	
REE	33.60	GIẢM	TĂNG		34.17			33.33	31.19	0.82%	
ROS	28.00	GIẢM	TĂNG		28.83			34.80	27.33	-19.54%	
SSI	25.10	TĂNG	GIẢM	25.35	25.00	-0.99%			26.98		
STB	11.50	GIẢM	GIẢM		11.71				12.32		
TCB	21.05	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-1.64%			22.88		
TPB	23.10	GIẢM	GIẢM		23.56				N/A		
VCB	78.90	TĂNG	TĂNG	69.20	75.71	14.02%		62.00	66.21	27.26%	
VCG	26.40	GIẢM	TĂNG		27.05			18.44	24.08	43.16%	
VEA	62.00	TĂNG	GIẢM	62.10	59.43	-0.16%			N/A		
VGI	29.40	TĂNG	GIẢM	29.50	28.01	-0.34%			N/A		
VHM	85.80	TĂNG	GIẢM	81.00	81.35	5.93%			87.75		
VIB	18.60	TĂNG	TĂNG	17.00	17.84	9.41%		17.70	15.55	5.08%	
VIC	119.80	TĂNG	TĂNG	119.80	117.69	0.00%	MUA	112.00	108.25	6.96%	
VJC	131.90	TĂNG	TĂNG	123.30	129.01	6.97%		124.50	120.45	5.94%	
VNM	125.40	TĂNG	GIẢM	126.90	123.20	-1.18%			133.60		
VPB	19.10	TĂNG	GIẢM	18.60	19.04	2.69%			19.82		
VRE	37.30	TĂNG	TĂNG	35.75	35.74	4.34%		34.00	32.37	9.72%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.70	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	0.54%		16.85	17.01	10.98%	
ANV	26.95	TĂNG	GIẢM	28.05	26.83	-3.92%			30.56		
ASM	6.99	GIẢM	GIẢM		7.09				7.78		
BMP	50.10	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	12.58%		48.30	41.68	3.73%	
BWE	28.30	TĂNG	TĂNG	25.85	27.42	9.48%		19.44	25.15	45.58%	
C4G	8.10	GIẢM	#N/A		8.68			-	#N/A		
CEO	10.50	GIẢM	GIẢM	10.70	10.51	-1.75%	BÁN		11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.69				23.94		
CRE	25.20	GIẢM	#N/A		25.20			-	#N/A		
CTI	23.00	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-3.36%			25.04		
CTR	38.00	TĂNG	#N/A	28.80	32.20	31.94%		-	#N/A		
DCM	8.00	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-5.88%			8.64		
DHC	34.90	GIẢM	TĂNG		37.22			35.20	33.00	-0.85%	

We Create Fortune

DIG	13.80	TĂNG	GIẢM	14.10	13.30	-2.13%			14.54		
DPM	15.10	GIẢM	GIẢM		15.74				17.40		
DRC	19.85	TĂNG	GIẢM	19.40	19.11	2.32%			20.88		
DXG	18.95	TĂNG	GIẢM	19.10	18.56	-0.79%			20.75		
E1VFN30	14.68	TĂNG	GIẢM	14.59	14.31	0.62%			15.16		
FCN	14.00	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-9.68%		16.05	13.18	-12.77%	
FLC	4.17	GIẢM	GIẢM		4.36				4.63		
FTM	24.70	GIẢM	TĂNG		25.16			16.25	22.18	52.00%	
GEG	25.80	TĂNG	TĂNG	22.80	22.15	13.16%		12.90	20.50	100.00%	
GEX	21.60	GIẢM	GIẢM		22.07				23.15		
GMD	26.70	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-1.48%			27.99		
GTN	17.75	GIẢM	TĂNG		18.65			15.00	16.37	18.33%	
GVR	14.40	TĂNG	#N/A	13.50	12.99	6.67%		-	#N/A		
HAG	5.26	GIẢM	GIẢM		5.54				5.62		
HBC	14.10	GIẢM	GIẢM		15.36				17.48		
HCM	23.00	GIẢM	GIẢM		24.16				26.60		
HDG	36.30	TĂNG	TĂNG	32.70	34.04	11.01%		35.30	34.59	2.83%	MUA
HPX	26.75	TĂNG	#N/A	26.60	25.76	0.56%		-	#N/A		
HSG	7.50	TĂNG	TĂNG	7.63	7.37	-1.70%		8.45	7.01	-11.27%	
HT1	15.90	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	7.43%	
IBC	21.30	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.91%		24.90	20.15	-14.46%	
IDI	7.21	GIẢM	GIẢM		7.51				8.38		
IJC	10.70	GIẢM	GIẢM		11.26				11.50		
ITA	3.06	GIẢM	TĂNG		3.19			3.20	2.77	-4.38%	
KBC	15.35	TĂNG	TĂNG	14.30	14.94	7.34%		15.35	13.54	0.00%	
KSB	22.15	GIẢM	GIẢM		22.42				25.36		
LDG	8.03	GIẢM	GIẢM		8.77				9.57		
LPB	8.40	TĂNG	GIẢM	8.40	8.20	0.00%	MUA		8.51		
MBS	14.80	GIẢM	#N/A		14.83			16.00	#N/A	#N/A	
MPC	36.00	TĂNG	GIẢM	35.70	33.75	0.84%			40.20		
NBB	21.90	TĂNG	TĂNG	22.00	21.14	-0.45%		21.50	18.83	1.86%	
NKG	6.11	GIẢM	GIẢM		6.40				7.23		
NLG	29.40	GIẢM	TĂNG		29.84			28.70	27.83	2.44%	
NT2	26.00	GIẢM	GIẢM		26.66				28.99		
NTC	187.20	TĂNG	#N/A	144.00	176.54	30.00%		120.00	#N/A	#N/A	
NTL	25.50	TĂNG	TĂNG	22.95	24.42	11.11%		9.33	22.09	173.27%	
NVB	8.10	GIẢM	GIẢM		8.37				9.16		
OGC	4.02	GIẢM	GIẢM		4.15				4.75		

We Create Fortune

PC1	18.00	GIẢM	GIẢM		18.74				20.49		
PDR	26.30	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	9.13%		23.60	24.63	11.46%	
PHR	69.80	TĂNG	TĂNG	61.20	62.70	14.05%		22.86	52.19	205.28%	
PPC	27.20	GIẢM	GIẢM		29.30			17.42	27.86	59.93%	
PTB	67.50	GIẢM	TĂNG		70.44			60.78	64.57	11.06%	
PVD	18.05	GIẢM	TĂNG	19.20	18.21	-5.15%	BÁN	18.50	17.78	-2.43%	
PVI	36.90	GIẢM	GIẢM		37.62				39.70		
PVT	16.75	GIẢM	GIẢM		17.59				17.62		
QCG	4.57	TĂNG	GIẢM	4.62	4.31	-1.08%			5.32		
SAM	8.15	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-1.21%		7.40	7.69	10.14%	
SBT	16.55	GIẢM	GIẢM		17.04				18.08		
SCR	7.09	GIẢM	GIẢM		7.22				7.61		
SHB	6.80	GIẢM	GIẢM		7.06				7.44		
SHS	9.60	GIẢM	TĂNG		10.12			12.10	9.22	-20.66%	
SJS	17.25	GIẢM	GIẢM		19.41				19.93		
STK	23.65	GIẢM	TĂNG	24.20	23.65	-2.27%	BÁN	17.00	21.12	39.12%	
SZC	22.90	TĂNG	#N/A	20.45	21.23	11.98%		-	#N/A		
TCH	21.00	GIẢM	GIẢM	21.15	21.02	-0.60%	BÁN		22.45		
TCM	26.00	GIẢM	GIẢM		27.52				30.59		
TNG	20.80	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	5.58%		12.00	18.79	73.33%	
TTB	23.25	TĂNG	GIẢM	22.60	22.52	2.88%			24.16		
VCI	33.90	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	4.95%			35.72		
VGT	10.00	GIẢM	GIẢM		10.53				11.88		
VHC	89.80	TĂNG	GIẢM	89.50	88.29	0.34%			95.80		
VND	15.00	GIẢM	GIẢM		15.50				16.69		
VNG	19.60	GIẢM	GIẢM		20.96			21.50	20.58	-4.29%	
VPI	40.70	GIẢM	GIẢM		42.11				42.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.50	TĂNG	#N/A	9.40	9.29	1.06%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.27	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.69	7.02%	
AMD	1.80	GIẢM	GIẢM		1.87				2.08		
APG	9.30	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	9.41%		9.90	7.90	-6.06%	
ART	2.30	GIẢM	GIẢM		2.64				3.07		
BCC	8.50	GIẢM	TĂNG		9.06			7.70	7.66	10.39%	



We Create Fortune

BCG	5.61	GIẢM	TĂNG		5.78			6.39	5.41	-12.21%	
C69	21.80	TĂNG	TĂNG	8.80	16.39	147.73%		5.30	13.87	311.32%	
CCL	6.54	TĂNG	TĂNG	6.38	5.92	2.51%		3.46	4.89	89.02%	
CRC	15.70	TĂNG	GIẢM	15.05	15.05	4.32%			17.35		
CVT	20.40	TĂNG	TĂNG	19.25	19.91	5.97%		20.35	17.62	0.25%	
DAG	6.75	TĂNG	GIẢM	6.55	6.59	3.05%			7.01		
DAH	13.30	GIẢM	TĂNG		14.59			4.66	9.18	185.15%	
DGW	23.65	TĂNG	TĂNG	21.85	22.69	8.24%		23.50	23.12	0.64%	MUA
DLG	1.45	GIẢM	GIẢM		1.62				1.65		
DRH	6.75	GIẢM	GIẢM		7.32				7.76		
DTD	14.90	TĂNG	TĂNG	15.00	14.05	-0.67%		12.90	10.80	15.50%	
EVG	2.90	TĂNG	GIẢM	2.87	2.82	1.05%			3.02		
FIT	3.40	GIẢM	TĂNG		3.58			3.64	3.03	-6.59%	
GKM	15.10	GIẢM	TĂNG		15.45			11.42	14.95	32.17%	
HAH	13.35	TĂNG	TĂNG	12.80	12.50	4.30%		13.00	11.31	2.69%	
HAI	1.85	TĂNG	GIẢM	1.87	1.80	-1.07%			1.93		
HAP	3.51	GIẢM	TĂNG		3.70			3.67	3.25	-4.36%	
HAR	3.70	GIẢM	TĂNG		4.11			3.71	3.65	-0.27%	
HCD	3.75	TĂNG	GIẢM	3.79	3.61	-1.06%			4.34		
HDA	12.00	TĂNG	TĂNG	10.50	11.30	14.29%		11.30	10.27	6.19%	
HDC	15.70	TĂNG	TĂNG	15.25	14.73	2.95%		15.25	13.47	2.95%	
HHP	13.10	GIẢM	#N/A		14.66			-	#N/A		
HHS	3.31	GIẢM	GIẢM		3.50				3.69		
HII	11.25	GIẢM	GIẢM		11.77				13.42		
HQC	1.39	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-2.80%			1.50		
HSL	7.40	GIẢM	GIẢM		8.15				9.64		
HUT	2.40	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVG	3.20	GIẢM	GIẢM		3.53				4.67		
HVH	28.40	TĂNG	#N/A	26.15	27.38	8.60%		-	#N/A		
JVC	2.88	TĂNG	GIẢM	2.97	2.80	-3.03%			3.23		
KLF	1.40	GIẢM	GIẢM		1.61				1.79		
KMR	2.86	GIẢM	TĂNG		3.03			3.68	2.65	-22.28%	
LCG	10.45	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	0.00%			11.44		
LGL	10.40	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	46.21%	
LHG	18.20	GIẢM	TĂNG		19.70			19.30	17.20	-5.70%	
LMH	16.65	GIẢM	#N/A		16.81			-	#N/A		
MST	2.60	GIẢM	GIẢM		2.97				3.71		
NDN	16.90	TĂNG	TĂNG	14.10	16.24	19.86%		13.10	14.40	28.96%	
PHC	12.65	GIẢM	GIẢM		13.06			14.45	12.65	-12.45%	BÁN



We Create Fortune

PVB	20.50	TĂNG	TĂNG	20.20	19.30	1.49%		20.10	16.79	1.99%	
PVC	7.70	GIẢM	TĂNG		8.14			7.10	6.21	8.45%	
PXL	5.50	GIẢM	GIẢM		5.96				7.35		
PXS	5.40	GIẢM	TĂNG		5.56			4.85	4.34	11.34%	
QBS	3.14	GIẢM	GIẢM		3.36				3.36		
SFG	10.60	GIẢM	GIẢM		11.43				14.61		
SHI	8.79	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.77%		6.23	7.45	41.03%	
SJF	3.22	GIẢM	GIẢM		3.67				3.88		
SKG	11.90	GIẢM	GIẢM		12.22				12.61		
TDH	9.40	GIẢM	TĂNG		9.67			11.65	9.17	-19.31%	
TIG	3.40	GIẢM	TĂNG		3.49			3.20	3.03	6.25%	
TLD	5.28	GIẢM	GIẢM		5.51				6.07		
TLH	4.94	GIẢM	TĂNG		5.08			5.85	4.80	-15.56%	
TNI	10.40	GIẢM	GIẢM		10.76				12.03		
TTF	3.10	GIẢM	TĂNG		3.35			3.99	3.03	-22.31%	
TTH	3.80	GIẢM	GIẢM		4.12				4.60		
TVB	19.30	TĂNG	TĂNG	17.40	17.31	10.92%			19.27		
TVC	13.90	TĂNG	TĂNG	12.50	13.09	11.20%			13.71		
VC3	22.60	GIẢM	TĂNG		23.52			22.00	21.35	2.73%	
VCR	17.70	GIẢM	GIẢM		24.68				32.17		
VNE	3.79	GIẢM	GIẢM		4.18			4.65	3.96	-14.88%	BÁN
VPG	20.80	GIẢM	TĂNG		22.16			20.46	19.34	1.68%	
VRC	15.10	GIẢM	GIẢM		15.82				17.17		
YBM	11.70	TĂNG	GIẢM	10.95	9.80	6.85%			12.17		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	989.46	0.76%
VN30	888.26	0.98%
VN Mid	969.32	0.03%
VN Small	815.5	-0.14%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.71	-0.05%
HN30	195.57	0.29%
VNX AllSh	864.2	0.89%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	58.46	0.78%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	969.22	
Bán	924.67	
GT rỗng	44.54	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	6.89	
Bán	39.31	
GT rỗng	-32.42	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	30.52	
Bán	18.02	
GT rỗng	12.50	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
KOS	1500	5.40%
HDG	1700	4.91%
HDC	700	4.67%
HPG	950	4.58%
PHR	2300	3.41%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BAX	5500	7.71%
DGC	1500	4.79%
DHT	1000	2.78%
MBS	400	2.78%
NTP	1000	2.56%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BHA	1800	14.40%
CTR	3300	9.51%
GEG	2000	8.40%
LPB	500	6.33%
VCP	2300	6.10%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SRC	-1250	-6.94%
HBC	-500	-3.42%
CSV	-900	-3.30%
LHG	-600	-3.19%
VNG	-400	-2.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	-1900	-9.69%
HUT	-100	-4.00%
CEO	-400	-3.67%
TNG	-300	-1.42%
SHS	-100	-1.03%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSR	-300	-2.63%
OIL	-200	-1.77%
BOT	-700	-1.24%
NTC	-2200	-1.16%
BCM	-300	-1.04%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	399,587	
VCB	293,001	
VHM	283,369	
VNM	218,545	
GAS	201,922	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,662	
VCS	11,948	
VCG	11,705	
PVS	10,898	
PVI	8,320	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	178,634	
VGI	87,860	
VEA	81,671	
MCH	57,804	
GVR	56,528	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	19,170,810	12,620,580
HNG	13,090,730	2,720,064
HPG	11,555,220	5,931,138
VRE	9,322,690	2,285,958
DLG	7,363,130	2,671,233

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	3,521,309	4,405,880
NVB	2,745,418	793,624
PVS	2,697,344	3,177,234
ACB	1,975,464	1,316,448
CEO	1,655,910	756,771

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BHA	6,132,500	279,314
GEG	3,379,335	675,302
XMC	2,629,305	344,935
GVR	2,137,340	1,069,637
LPB	1,904,975	486,872

Nguồn: Bloomberg & YSVN

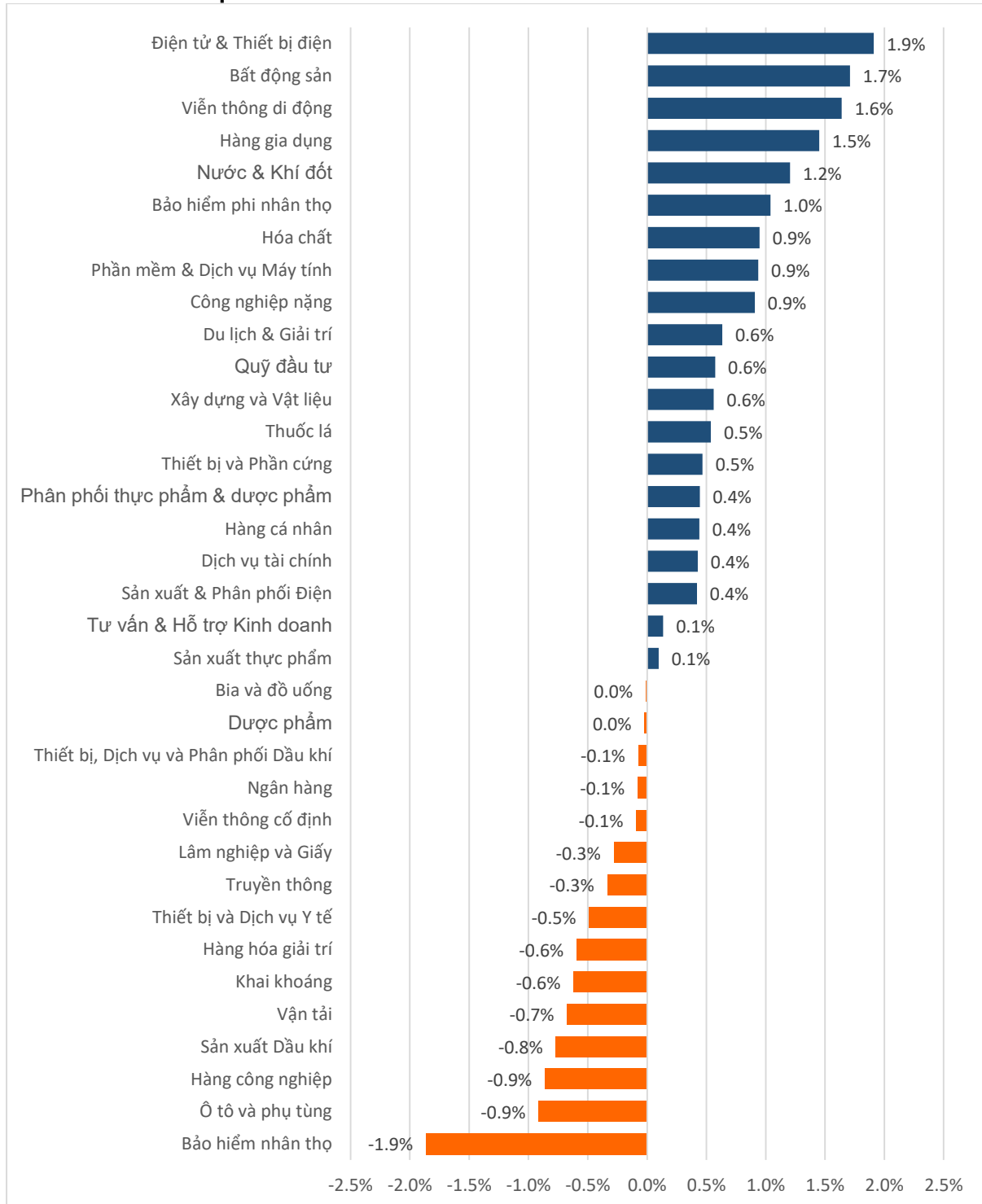
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



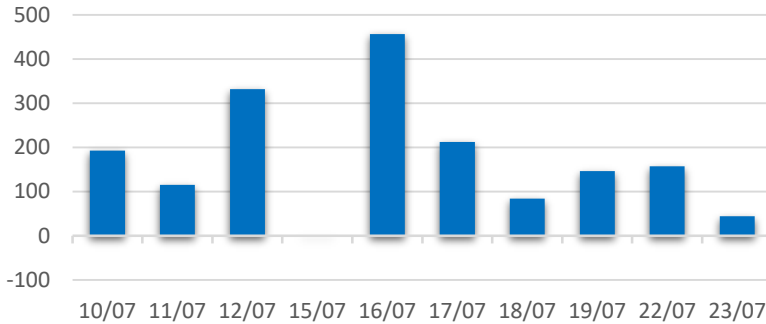
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

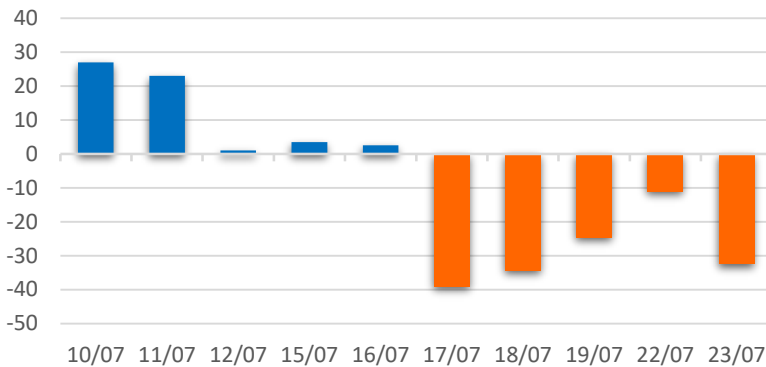
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PLX	49,270	VNM	23,799
VCB	17,638	HPG	19,032
CTD	15,479	HBC	10,509
MSN	15,418	PVD	8,055
GEX	8,418	VJC	6,758

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

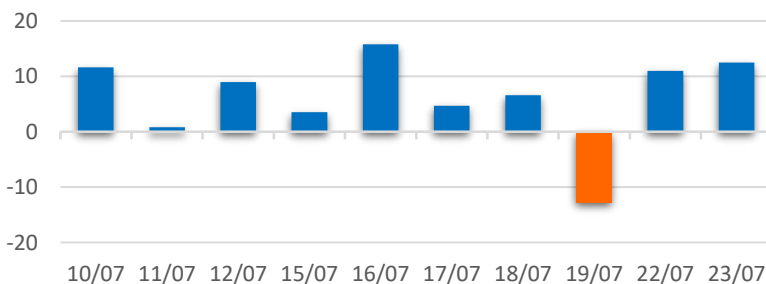
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
DGC	707	PVS	21,227
TNG	544	CEO	7,836
TIG	381	SHS	2,704
NAG	101	VCS	535
LHC	43	VGS	454

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GVR	7,309	BSR	1,590
QNS	6,886	ACV	1,036
KDF	948	WSB	565
VEA	586	OIL	561
VCW	349	SAS	424

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



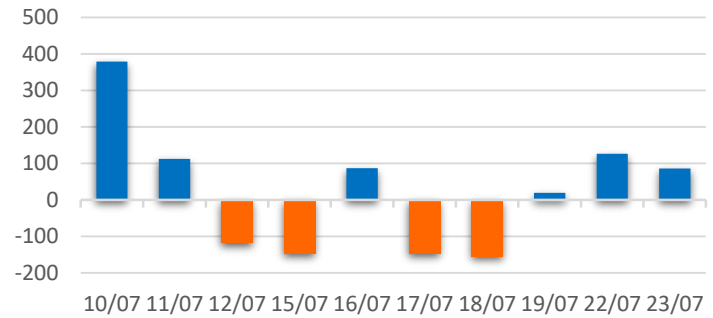
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

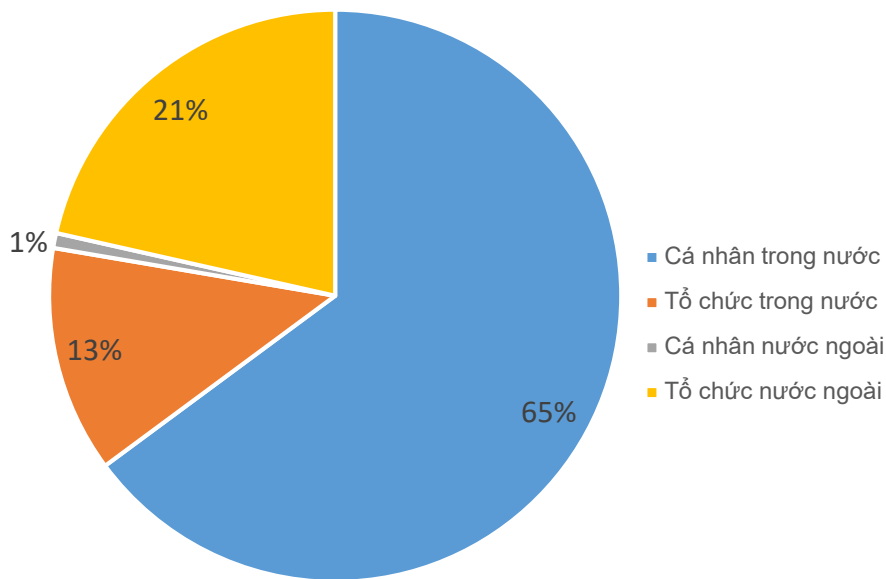
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VHM	15,306	MWG	14,900
E1VFN30	5,988	MBB	14,466
VIC	5,176	FPT	5,302
VNM	3,752	VNM	2,163
MBB	3,736	VRE	2,094

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

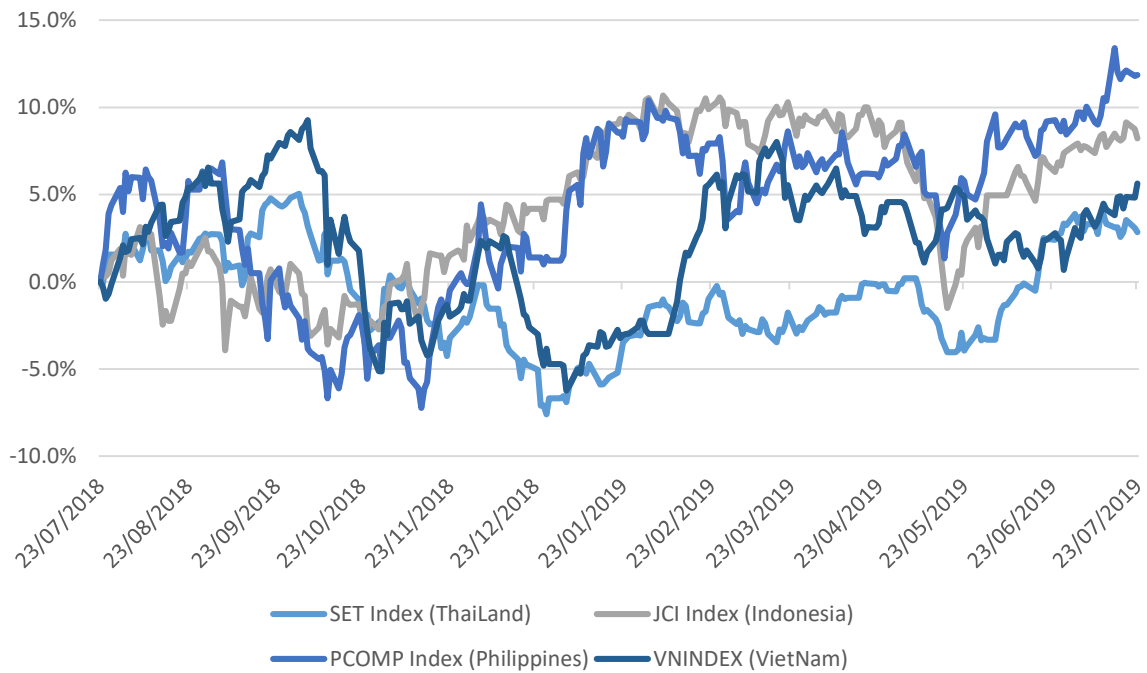


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

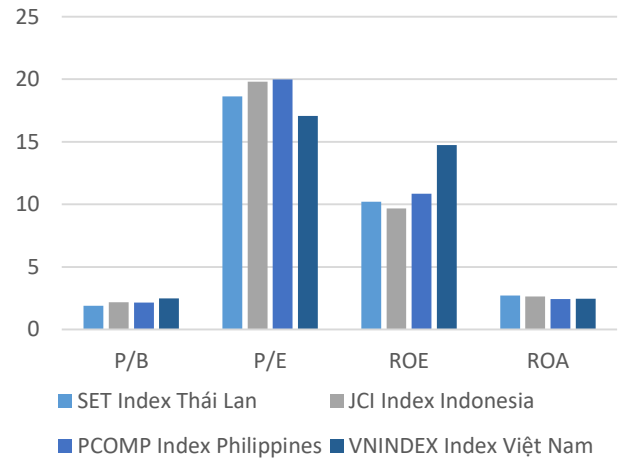
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.1x	2.5x
P/E		18.6x	19.8x	20.0x	17.1x
ROE	%	10.20	9.67	10.84	14.74
ROA	%	2.70	2.63	2.43	2.46
Vốn hóa	Tỷ USD	572.06	529.48	202.31	142.60
GTGD	Triệu USD	1.59	0.40	0.08	0.13
LS cổ tức	%	2.99	2.43	1.59	1.72

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3830

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written